

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HS-ST

Ngày: 02/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Huy – Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố D, tỉnh A;

2. Ông Nguyễn Trương Bảo Anh – Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Châu Phú B, thành phố D, tỉnh A.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017 tại Hội trường UBND phường Châu Phú B, thành phố D, tỉnh A, Tòa án nhân dân thành phố D xét xử sơ thẩm lưu động, công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2017/HSST ngày 14 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Minh Tr (Kiệm), sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ 9, khóm Châu Quới, phường Châu Phú B, thành phố D, tỉnh A; nghề nghiệp: không; học vấn: 05/12; cha Lê Văn Thôi (chết) mẹ Nguyễn Thị Kỳ; vợ Trần Bạch T, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 18/02/2017 đến ngày 27/02/2017 bị tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Lê Thị Kim H, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ 9, khóm Châu Quới, phường Châu Phú B, thành phố D, tỉnh A; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; cha Lê Minh Tr, mẹ bà Trần Bạch T; chồng Nguyễn Văn Tr1, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh 2012.

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giam từ ngày 18/02/2017 cho đến nay; có mặt.

3. Lê Minh H1, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ 1, ấp Vĩnh Khánh 2, xã Vĩnh Tế, thành phố D, tỉnh A; nghề nghiệp: chăn nuôi; học vấn: 06/12; cha Lê Minh Tr, mẹ Trần Bạch T; sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Trang Đ, có 01 con, sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 18/02/2017 đến ngày 27/02/2017 bị tạm giam cho đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Trần Bạch T, sinh năm 1967 ; nơi cư trú : tổ 09, khóm Châu Quới, phường Châu Phú B, thành phố D, tỉnh A; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Tr1 (Quý), sinh năm 1979 ; nơi cư trú : tổ 09, khóm Châu Quới, phường Châu Phú B, thành phố D, tỉnh A; vắng mặt.

- Bà Võ Thị Hồng Th, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 13, khóm Xuân Hòa, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh A; vắng mặt.

- Ông Đoàn Công Th1, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 24, khóm Vĩnh Chánh, phường Châu Phú A, thành phố D, tỉnh A; vắng mặt.

- Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ 14, ấp Đầy Cá Hom, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh A; vắng mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Lê Minh Tr (Kiệm), Lê Thị Kim H; Lê Minh H1 bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 20/10/2016, Công an tỉnh A phối hợp cùng Công an phường Vĩnh Mỹ kiểm tra Nguyễn Văn D điều khiển xe mô tô biển 67F5-5844 có nghi vấn phạm tội ma túy, qua kiểm tra hành chính, phát hiện 01 gói giấy bạc bên trong có 02 đoạn ống hút nhựa màu xanh hàn kín bên trong có chứa chất bột màu trắng cất giấu trong túi quần jean bên trái của D nên thu giữ, niêm phong và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Giám định số 414/KLGT-PC54 ngày 28/10/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự công an A: giám định có trọng lượng là: 0,0736 gam có Heroine.

Khoảng 12 giờ ngày 01/11/2016, Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an A phối hợp cùng Công an xã M, huyện C tuần tra khu vực ấp Mỹ Tr1, xã M, huyện C phát hiện Phạm Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67K1-383.04 chở Nguyễn Văn Đ theo hướng thành phố D – Châu P có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy nên tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện 01 gói giấy bạc bên trong có 02 đoạn ống hút nhựa màu xanh, sọc trắng hàn kín bên trong có chứa chất bột màu trắng cất giấu trong túi quần bên phải của C nên thu giữ, niêm phong và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Kết luận giám định số 419/KLGT-PC54 ngày 04/11/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh A kết luận: chất bột màu trắng trong có 02 đoạn ống hút nhựa màu xanh, sọc trắng hàn kín được niêm phong có in hình dấu tròn

màu đỏ của Công an xã M, huyện C và các chữ ký ghi tên: K, Đ, C, Đ1; giám định trọng lượng là: 0,0650 gam có Heroine.

Qua điều tra, D, C và Đ khai nhận đã nhiều lần mua Heroine của Lê Minh Tr và Lê Thị Kim H để sử dụng.

Ngày 13/02/2017, Lê Thị Kim H bị khởi tố, điều tra.

Lúc 10 giờ 50 phút ngày 18/02/2017, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh A phối hợp cùng Công an Tịnh Biên tuần tra đến khu vực khóm H, thị trấn N, phát hiện Lê Minh H1 điều khiển xe mô tô biển 67N6 - 1771 theo hướng D – Tịnh Biên có biểu hiện nghi vấn nên mời H1 về trụ sở Công an thị trấn Nhà Bàng làm việc. Qua kiểm tra, phát hiện 01 bọc nylon màu đen, bên trong có 01 bọc nylon trong suốt hàn kín chứa chất bột màu trắng (nghi vấn là chất ma túy) cất giấu trong quai bên pH1 mũ bảo hiểm màu đỏ đen của H1 đang đội nên Công an tiến hành thu giữ, niêm phong và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ Lê Minh H1: giấy phép lái xe hạng A1, tên Lê Minh H1; giấy đăng ký xe mô tô biển 67N6 -1771 tên Nguyễn Thanh Đệ; điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ đen có gắn sim; Tiền 1.030.000 đ; xe mô tô biển 67N6-1771, nhãn hiệu Honda-Wave RS, màu vàng - đen; bọc nylon màu đen, bên trong có 01 bọc nylon trong suốt hàn kín chứa chất bột màu trắng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở Lê Minh Tr (số 129/15 tổ 9, khóm Châu Quới, phường Châu Phú B,) phát hiện và thu giữ vật chứng gồm:

* *Thu giữ trong sàn, trước cửa nhà:* 01 xe mô tô, màu đen, biển kiểm soát 67F1-116.47.

* *Thu giữ dưới nền chuồng heo cặp vách nhà bếp:*

-Bọc nylon đen, bên trong chứa 01 bọc nylon trong suốt một đầu có rãnh kéo, bên trong có 18 đoạn ống hút nhựa màu hồng sọc trắng chứa chất bột màu trắng;

- Bọc nylon đen, bên trong chứa 01 bọc nylon trong suốt một đầu có rãnh kéo, viền màu đỏ, bên trong có chứa 34 đoạn ống nhựa trong suốt sọc trắng hàn kín hai đầu, bên trong đều chứa chất bột màu trắng và 01 gói nylon trắng cuộn tròn hàn kín, bên trong chứa chất bột màu trắng.

- Bọc nylon trong suốt, một đầu có rãnh kéo,viền màu đỏ bên trong có 02 cục chất bột màu trắng.(Bút lục số: 141-142)

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ:

* Thu giữ của Lê Minh Tr: Điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 67F1-116.47 tên Võ Thị Hồng Thu; thẻ ATM KIENLONG BANK tên Lê Minh Tr, số 9704 5212 0123 9089; Tiền 5.000.000 đồng.

* Thu giữ của Lê Thị Kim H: Điện thoại di động hiệu Samsung màu hồng (loại bậc nắp), đã qua sử dụng.

Kết luận giám định số 67/KLGT-PC54 ngày 22/02/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A kết luận: chất bột màu trắng trong 01 bọc nylon

trong suốt hàn kín được niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và các chữ ký ghi tên: Lê Thanh L Lê Văn K, Lê Minh H1, Diệp Thanh K; gửi đến giám định có trọng lượng là: 0,4717 gam có Heroine.

Kết luận giám định số 68/KLGT-PC 54 ngày 25/02/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A kết luận:

Hộp niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và các chữ ký ghi tên: Nguyễn Tiến Tr1, Huỳnh Ngọc Y, Lê Minh Tr. Bên trong có: 01 bọc ny lon trong suốt, một đầu có rãnh kéo, viền màu đỏ bên trong có chứa chất bột màu trắng; 01 bọc nylon trong suốt một đầu có rãnh kéo, viền màu đỏ, đựng 01 gói nylon trong suốt (màu trắng) cuộn tròn hàn kín, chứa chất bột màu trắng và 34 đoạn ống nhựa trong suốt sọc trắng, hàn kín hai đầu; 01 bọc nylon trong suốt một đầu có rãnh kéo, đựng 18 đoạn ống hút nhựa màu hồng sọc trắng chứa chất bột màu trắng. Gửi đến giám định có tổng trọng lượng chất bột màu trắng là: 8,8749 gam có Heroine.

Ngày 27/02/2017, Lê Minh Tr và Lê Minh H1 bị khởi tố, điều tra. Ngày 31/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ban hành Quyết định nhập vụ án hình sự số 04 ngày 31/3/2017.

Ngày 11/4/2017, Viện kiểm sát tỉnh A ban hành Quyết định số 04/QĐ-KSĐT.MT chuyển vụ án hình sự số 18 ngày 27/02/2017, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an D để điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 42/VKS.HS ngày 03/10/2017, Viện kiểm sát thành phố D đã truy tố các bị cáo Lê Minh Tr Lê Thị Kim H, Lê Minh H1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, h khoản 2 điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Tr, H, H1 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Lời khai của các bị cáo phù hợp với một số lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, h khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi bị cáo Tr, H khai có bán ma túy cho Nguyễn Văn M. Tuy nhiên M xác định không biết, không mua ma túy với các bị cáo. Vì vậy, đề nghị

không xem xét trách nhiệm hình sự các bị cáo đối với lần bị cáo khai bán ma túy cho M trong cùng vụ án.

Hành vi của các bị cáo xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa pH và là sự tiếp tay cho lượng người nghiện ngày càng tăng. Do đó, cần xử phạt nghiêm các bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Xét về tính chất, hành vi của các bị cáo đều thực hiện tội phạm với vai trò thực hành nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Tr với vai trò chính nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng nặng hơn các bị cáo H, H1.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo Tr có nhân thân tốt đã từng được Ủy ban D và Công An tỉnh tặng giấy khen “Trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Tr được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

Về trách nhiệm của D và C có hành vi mua Heroine để sử dụng và lượng Heroine D và C tàng trữ để sử dụng không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. K, T, L, Ph, T1, H, H1 có hành vi mua ma túy để sử dụng, Cơ quan điều tra đã đề nghị Công an địa phương nơi các đối tượng này cư trú xử lý hành chính. Nguyễn Văn M đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Riêng, Tr1 – A - C - Đ đã bỏ địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau.

Đối với người bán ma túy cho Tr tên H1 (chưa rõ họ tên và địa chỉ), người mua ma túy của Tr và H tên Th, người bán vé số (chưa rõ họ tên và địa chỉ), Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h khoản 2 khoản Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Tr từ 09 (chín) đến 10 (mười) năm tù; xử phạt bị cáo H từ 08 (tám) đến 08 (tám) năm sáu tháng tù; xử phạt bị cáo H1 từ 07 (bảy) đến 07 (bảy) năm sáu tháng tù. Do các bị cáo là thành phần nghèo nên không áp dụng phạt tiền.

Về biện pháp tư pháp:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy lượng ma túy bị thu giữ; tịch thu, sung quỹ xe mô tô biển 67F1-116.4767, điện thoại di động Nokia, màu đen, Model RM-1172, số IMEI 356900071154927 (của Tr); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 011677, tên Võ Thị Hồng Th; giao trả thẻ ATM KIENLONGBANK tên Lê Minh Tr, tịch thu, sung quỹ số tiền 5.000.000đ. Giao trả cho bị cáo H điện thoại Sam Sung màu hồng, Model GT, số IMEI 355598/05/284309/5. Giao trả cho H1 giấy phép lái xe hạng A1, tên Lê Minh H1; tịch thu, sung quỹ 01 giấy đăng ký xe mô tô biển 67N6 -1771 tên Nguyễn Thanh Đệ; điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ đen có gắn sim; Giao trả trả lại bị cáo H1 số tiền Việt Nam

1.030.000 (nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án); tịch thu, sung quỹ xe mô tô biển 67N6-1771, nhãn hiệu Honda-Wave RS, màu vàng – đen.

Buộc các bị cáo Tr và bị cáo H1 giao nộp số tiền thu lợi từ việc mua bán ma túy mà có vào công quỹ nhà nước theo khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

- *Về tố tụng*: Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

- *Về nội dung*:

Bị cáo Tr khai nhận, bắt đầu tham gia bán ma túy vào khoảng tháng 08/2014 cho đến ngày bị bắt 18/02/2017, nguồn ma túy có để bán là do mua của H1 nhà ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng không biết địa chỉ cụ thể, điện thoại cho H1 đặt mua số lượng 03 (ba) chỉ Heroin giá 4.000.000đ/chỉ thành tiền 12.000.000đ, pH thức tiền gửi trước lên thành phố Hồ Chí Minh qua đường xe khách ‘Hùng Cường’, nhận tiền xong H1 giao số lượng ma túy về D; ma túy là heroin được cất giấu trong thiết bị điện tử như để trong bộ điều khiển (remote) hoặc trong hộp giấy đựng cà phê...; tính Tr1 bình mỗi tháng bị cáo bán hết số lượng 03 (ba) chỉ ma túy. Sau khi mua ma túy mang về bị cáo dùng lưỡi lam phân ra nhỏ lẻ cho ma túy heroin vào trong đoạn ống hút nhựa hàn kín lại, mỗi 01 (một) chỉ ma túy bị cáo phân ra thành 70 tép bán giá 90.000đ/tép.

Lần cuối vào ngày 17/02/2017 bị cáo mua ma túy của H1 số lượng 03 (ba) chỉ giá 4.200.000đ/chỉ do vừa qua tết giá ma túy có tăng lên thành tiền 12.600.000đ, H1 gửi về qua trạm xe Hùng Cường, bị cáo kêu con tên H1 đến trạm xe Hùng Cường nhận gói ma túy mang về nhà. Sau đó bị cáo tự mình phân lẻ ra 01 cục thành 02 cục nhỏ bán giá 1.000.000đ/cục, phần còn lại phân thành 20 tép bán giá 70.000đ/tép và 45 tép bán giá 90.000đ/tép, phân chia xong bị cáo bỏ tất cả số ma túy trên vào trong bọc nylon màu đen và cất giấu trong ngăn tủ đựng tivi đặt sát vách khu vực nhà bếp.

Đến sáng ngày 18/02/2017 bị cáo kêu con là H1 lấy 01 (một) cục ma túy quần băng keo trong bọc nylon trong suốt mang đến Tri Tôn bán cho Phát giá 1.000.000đ còn số ma túy đã phân thành tép bị cáo để tại nhà cho con gái H bán lại cho các con nghiện khi họ đến nhà mua.

Bị cáo Tr xác định từ khoảng tháng 08/2014 cho đến ngày bị bắt 18/02/2017 bị cáo bán ma túy cho các người nghiện như: T: 10 lần, mỗi lần 01 tép, giá từ 70.000 đến 90.000 đồng/tép; K: rất nhiều lần, mỗi lần 01 đến 02 tép với giá từ 70.000 đến 90.000 đồng/tép; D: 06 lần, mỗi lần 01 tép, giá 100.000

đồng/tép; M: từ khoảng tháng 01/2017 đến tháng 02/2017, mỗi ngày đều bán cho M 02 tép với giá 90.000 đồng/tép; P: khoảng 20 lần, mỗi lần 01 cục với giá từ 500.000 – 1.000.000 đồng/cục; Người bán vé số tên Th: từ khoảng tháng 01/2016 đến tháng 02/2017, mỗi ngày đều bán cho Thuận 01 tép với giá 90.000 đồng/tép; Người tên A: khoảng 06 lần, mỗi lần 02 tép với giá 90.000 đồng/tép; Không bán ma túy cho T. Số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy đến ngày bị bắt là 86.000.000 đồng.

Bị cáo H khai nhận: Hàng ngày bị cáo thường xuyên nội trợ và chăm sóc con nhỏ ở nhà, cũng trong thời gian khoảng từ năm 2014 đến khi bị bắt ngày 18/02/2017, bị cáo có tham gia giúp sức cho cha tên Tr bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy, cụ thể như: Tài: khoảng 36 lần, mỗi lần 01 đến 02 tép với giá 90.000 đ/tép; Kiên: khoảng 04 - 05 lần, mỗi lần 01 tép giá từ 70.000 đến 90.000 đ/tép; T: khoảng 10 lần, mỗi lần 01 tép, giá từ 70.000 đến 90.000 đ/tép; L: khoảng 10 lần, mỗi lần 01 tép, giá 90.000 đ/tép; Minh: khoảng 14 lần, mỗi lần 01 tép, giá 90.000 đ/tép; D: 19 lần, mỗi lần 01 tép, giá 100.000 đồng; Hào: 10 lần, mỗi lần 01 tép, giá 90.000 đ; C, người tên A và những con nghiện khác (không biết họ tên, địa chỉ) rất nhiều lần, mỗi lần 01 đến 03 tép với giá từ 70.000 - 100.000 đ/tép. Bên cạnh đó, bị cáo khai nhận sau khi bán ma túy trong ngày, bị cáo sẽ đưa tiền lại cho Tr, sau đó Tr đưa cho bị cáo bình quân 150.000đ để lo sinh hoạt chung trong gia đình chứ không hưởng lợi gì khác việc bán ma túy cho các đối tượng nghiện.

Bị cáo H1 khai nhận : Khoảng 10 giờ ngày 18/02/2017, khi bị cáo đang ở chợ phường B thì cha ruột của bị cáo tên Tr điện thoại kêu chạy xe về nhà lấy cục ma túy do cha bị cáo đã phân sẵn mang đến Tr bán cho Phát giống những lần trước, bị cáo lấy cục ma túy khoảng gần bằng đầu ngón tay để ở trên đầu tủ gỗ, cặp vách phía sau nhà, cất giấu vào quai nón bảo hiểm phía bên pH1 đội trên đầu mang đi giao bán ma túy cho Phát, bị cáo chạy xe biển 67N6 – 1771 đến khu vực khóm Thới Hòa, thị trấn Nhà Bàng, thì bất ngờ bị Công an chặn xe lại kiểm tra bắt quả tang bị cáo cất giấu ma túy và thu giữ tang vật bọc nylon màu đen được hàn kín, bên trong có 01 bọc nylon trong suốt được hàn kín chứa chất chất ma túy. Sau đó dẫn giải bị cáo và tang vật về trụ sở Công an thị trấn lập biên bản.

Bị cáo còn vào ngày 15/09/2016, bị cáo cùng với cha đến Lâm Viên Núi Cẩm bán ma túy cho tên Ph 01 (một) lần số lượng 01 (một) cục giá 1.200.000đ. Sau khi giao bán xong cha bị cáo giới thiệu cho Phát biết sau này có nhu cầu ma túy thì bị cáo mang đến giao cho Ph. Bị cáo tham gia bán ma túy cho Tr từ khoảng tháng 08/2016 đến tháng 02/2017, nhận ma túy của Tr mang đi giao bán cho Ph tổng cộng 07 (bảy) lần, mỗi lần số lượng 01 (một) cục Heroin giá bán 1.200.000đ, địa điểm giao nhận tiền và ma túy tại khu vực Lâm Viên Núi Cẩm, cứ khoảng hai đến ba ngày bị cáo mang đi giao bán cho Ph một lần, cách thức khi Ph điện thoại liên lạc với Tr hỏi mua ma túy xong, Tr bảo bị cáo mang ma túy đến khu vực Lâm Viên Núi Cẩm giao bán cho Phát. Về nguồn ma túy để bán cho các đối tượng nghiện và phương thức giao nhận H1 khai thống nhất với lời

khai bị cáo Tr. Số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy đến ngày bị bắt là 1.400.000 đồng.

Lời nhận tội của từng bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của từng bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố và kết luận giám định số 414/KLGT-PC54 ngày 28/10/2016 ; kết luận giám định số 419/KLGT-PC54 ngày 04/11/2016; kết luận giám định số 67/KLGT-PC54 ngày 22/02/2017; kết luận giám định số 68/KLGT-PC54 ngày 25/02/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A và phù hợp với các biên bản nhận dạng, biên bản đối chất của các đối tượng nghiện D, T, H, K, L và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án.

Bên cạnh đó, lời khai của các bị cáo còn phù hợp với vật chứng thu giữ được nêu tại các biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an D với Chi cục Thi hành án dân sự D vào các ngày 25/4/2017 (BL: 385) và ngày 17/8/2017 (BL: 532).

Ngoài ra, lời khai của các bị cáo Tr, H, H1 còn phù hợp với lời khai của người làm chứng D về việc D có mua Heroin của bị cáo Tr sử dụng tổng cộng 06 (sáu) lần mỗi lần mua số lượng 01 (một) tép giá 100.000đ/tép và có mua Heroin của bị cáo H sử dụng tổng cộng 19 lần mỗi lần mua số lượng 01 (một) tép giá 100.000đ/tép; lời khai của Trịnh Văn T về việc T có mua Heroin của bị cáo Tr sử dụng tổng cộng 10 lần mỗi lần mua số lượng 01 (một) tép giá từ 70.000 đ đến 90.000 đ/tép và có mua Heroin của bị cáo H sử dụng tổng cộng 10 lần mỗi lần mua số lượng 01 (một) tép giá từ 70.000 đ đến 90.000 đ/tép; lời khai của Phát có mua Heroin của bị cáo Tr và bị cáo H1 rất nhiều lần và lời khai của một số người làm chứng khác về việc có mua ma túy của bị cáo Tr, bị cáo H nhiều lần.

Theo kết luận của cơ quan chuyên môn:

Chất bột màu trắng trong có 02 đoạn ống hút nhựa màu xanh hàn kín được niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường Vĩnh Mỹ và các chữ ký ghi tên: Nguyễn Tiến Tr1, Trịnh Minh Tuấn, Nguyễn Văn Dự; gửi đến giám định có trọng lượng là 0,0736 gam, có Heroine;

Chất bột màu trắng trong có 02 đoạn ống hút nhựa màu xanh, sọc trắng hàn kín được niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã Mỹ Phú, và các chữ ký ghi tên: K, Đ, C, Đ1; gửi đến giám định có trọng lượng là 0,0650 gam, có Heroine;

Chất bột màu trắng trong 01 bọc nylon trong suốt hàn kín được niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh A và các chữ ký ghi tên: L, Kh, H1, Kết gửi đến giám định có trọng lượng là 0,4717 gam có Heroine;

Hộp niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh A và các chữ ký ghi tên: Tr1, PH, Tr. Bên trong có 01 bọc ny lon trong suốt, một đầu có rãnh kéo,viên màu đỏ bên trong có chứa chất bột màu trắng;

01 bọc nylon trong suốt một đầu có rãnh kéo, viền màu đỏ, đựng 01 gói nylon trong suốt (màu trắng) cuộn tròn hàn kín, chứa chất bột màu trắng và 34 đoạn ống nhựa trong suốt sọc trắng, hàn kín hai đầu;

01 bọc nylon trong suốt một đầu có rãnh kéo, đựng 18 đoạn ống hút nhựa màu hồng sọc trắng chứa chất bột màu trắng gửi đến giám định có tổng trọng lượng chất bột màu trắng là 8,8749 gam có Heroine.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, bị cáo Tr đã nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng nghiện (không rõ họ tên, địa chỉ), trong đó, xác định được bán cho Tùng 10 lần; D 06 lần; Phát 20 lần. Bị cáo H bán cho T 10 lần; D 19 lần; T1 36 lần; H 10 lần. Bị cáo H1 bán cho Nguyễn Quốc Ph 07 lần. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc thỏa thuận mua bán qua điện thoại, chọn địa điểm giao nhận ma túy kín đáo. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng “phạm tội nhiều lần”, “Heroin hoặc Côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam” được quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Cáo trạng của Viện kiểm sát D truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ma túy là chất gây nghiện, làm suy giảm sức khỏe, suy thoái nòi giống. Tệ nạn ma túy còn được xem là nguyên nhân phá tan hạnh phúc gia đình, làm phát sinh các tệ nạn xã hội, làm lan truyền đại dịch HIV/AIDS và còn là cơ sở phát sinh nhiều tội phạm, ảnh hưởng nghiêm trọng trật tự, an toàn xã hội.

Trong đồng phạm, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nên được coi là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Tr là người giữ vai trò chính, trực tiếp giao dịch, mua bán với đối tượng nghiện, yêu cầu bị cáo H, bị cáo H1 bán ma túy cho các đối tượng nghiện khác. Tr thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần hơn bị cáo H, bị cáo H1 nên pH1 chịu mức hình phạt nặng hơn. Tuy nhiên, bị cáo Tr có nhân thân tốt từng được Ủy ban nhân dân thị xã D và Giám Đốc Công An tỉnh A tặng giấy khen “Trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Tr được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo H, bị cáo H1, tuy không trực tiếp thỏa thuận mua bán ma túy cho các đối tượng nghiện nhưng các bị cáo giao ma túy cho người nghiện theo yêu cầu của Tr và mong muốn cho Tr bán được ma túy cho người nghiện, thể hiện tính xem thường pháp luật của các bị cáo.

Do đó, cần có hình phạt nghiêm, cách li các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bên cạnh đó, bị cáo

Tr có nhân thân tốt được Ủy ban nhân dân thị xã D và Giám Đốc Công An tỉnh A tặng giấy khen “Trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung, xét các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Nguyễn Văn D và Cảnh có hành vi mua Heroine trái phép để sử dụng tàng trữ không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. K, T, L, Ph, T1, H có hành vi mua ma túy để sử dụng, Cơ quan điều tra đã đề nghị Công an địa phương nơi các đối tượng cư trú xử lý hành chính. Minh bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Riêng, Nguyễn Hoàng Tr1, Nguyễn Hùng A, Phạm Văn C, Nguyễn Văn Đ đã bỏ địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với người bán ma túy cho Tr tên H1 (chưa rõ họ tên và địa chỉ), người mua ma túy của Tr và H tên Th, người bán vé số (chưa rõ họ tên và địa chỉ), Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

Về xử lý vật chứng, lượng ma túy bị thu giữ là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu huỷ theo khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xe mô tô biển số 67F1-116.47, đứng tên trên giấy đăng ký là Võ Thị Hồng Th. Nhưng qua lời khai của bị cáo Tr và các ông, bà Th, Th1 thì nguồn gốc xe này do ông Th1 nhờ chị vợ là bà Th đứng tên giấy đăng ký. Sau đó ông nhờ người cò bán xe dùm được 6.000.000đ và xác định không còn là chủ sở hữu. Cho nên, có cơ sở xác định bị cáo Tr là người sở hữu xe dùm làm phương tiện mua bán ma túy nên là phương tiện phạm tội.

Xe mô tô biển số 67N6-1771, đứng tên đăng ký Nguyễn Thanh Đ (đã chết). Qua lời khai của bị cáo và các ông, bà Th, Đ. Bà Th1 vợ ông Đ khai đã bán xe cho ông Đ1 ở huyện Tịnh Biên. Ông Đ1 xác định có mua xe nhưng cuối năm 2014 ông đã bán cho người đàn ông lạ. Bị cáo H1 xác định mua xe với số tiền 10.500.000đ nhưng chưa sang tên. Có cơ sở xác định H1 là sử dụng xe làm phương tiện mua bán ma túy nên là phương tiện phạm tội.

Điện thoại di động Nokia, màu đen, Model RM1172 số IMEI1 356900071154927 của Tr. Điện thoại di động Nokia, màu đỏ đen Model 107 số IMEI1 359210/05/946232/7 của H1. Cả hai liên lạc mua bán ma túy với các đối tượng nghiện và liên lạc với nhau nên là phương tiện phạm tội.

Số tiền 5000.000 đồng bị thu giữ, do bán ma túy mà có là phương tiện phạm tội.

Xe mô tô biển số 67F1 – 11647; xe mô tô biển số 67N6 – 1771 cùng giấy đăng ký mô tô xe máy; điện thoại Nokia, màu đen, Model RM1172 số IMEI1

356900071154927 và điện thoại Nokia, màu đỏ đen Model 107 số IMEI1 359210/05/946232/7 cùng sim điện thoại kèm theo bị thu giữ. Bị cáo Tr khai số tiền 5.000.000đ do bán ma túy mà có. Đây là pH tiện, tiền thu nhập từ ma túy nên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước theo khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với điện thoại di động Sam Sung màu hồng Model GTC3520, số IMEI1 355598/05/284309/5 không xác định dùng vào việc mua bán ma túy nên giao trả lại bị cáo H.

Đối với số tiền 1.030.000 đồng thu giữ từ bị cáo H1, xét không liên quan đến việc mua bán ma túy mà từ nguồn bán thức ăn chăn nuôi nên giao trả cho bị cáo H1.

Về biện pháp tư pháp: Do thu lợi từ bán ma túy nên buộc bị cáo Tr nộp số tiền 86.000.000 đồng, bị cáo H1 giao nộp số tiền 1.400.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo H1 pH1 nộp tiền do phạm tội mà có vào công quỹ Nhà nước nên tiếp tục tạm giữ số tiền giao trả lại cho bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Mỗi bị cáo pH1 chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh Tr (Kiệm), Lê Thị Kim H, Lê Minh H1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b, h khoản 2 khoản Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt:

Lê Minh Tr: 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ 18/02/2017 (*ngày mười tám tháng hai năm hai nghìn không trăm mười bảy*).

Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt:

Lê Thị Kim H: 07 (bảy) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giam 18/02/2017 (*ngày mười tám tháng hai năm hai nghìn không trăm mười bảy*).

Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009

Xử phạt:

Lê Minh H1: 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ 18/02/2017 (ngày mười tám tháng hai năm hai nghìn không trăm mười bảy).

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) hộp niêm phong ghi vụ số 67/KLGT-PC54 ngày 22/02/2017 có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A, và các chữ ký ghi Nguyễn Kiều Th giám định viên và người chứng kiến Nguyễn Văn Vẹn, Lê Minh H1 người bị bắt.

+ 01 (một) hộp niêm phong ghi vụ số 68/KLGT-PC54 ngày 25/02/2017 có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A, và các chữ ký ghi Nguyễn Kiều Th giám định viên và người chứng kiến Nguyễn Văn V, Lê Minh Tr người bị bắt.

+ 01 (một) hộp niêm phong ghi vụ số 414/KLGT-PC54 ngày 28/10/2016 có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A, và các chữ ký ghi Nguyễn Kiều Th giám định viên và người chứng kiến Diệp Thanh K, Nguyễn Văn D người bị bắt.

+01 (một) hộp niêm phong ghi vụ số 419/KLGT-PC54 ngày 04/11/2016 có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A, và các chữ ký ghi Nguyễn Kiều Th giám định viên và người chứng kiến Diệp Thanh K, Phạm Văn C và Nguyễn Văn Đ người bị bắt.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/4/2017 giữa Cơ quan điều tra Công an D với Chi cục Thi hành án dân sự D).

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 67F1 – 116.47; số máy VNTDY152QMJ00000162; số khung VNTSCJ013NT000162, nhãn hiệu Spacy 125, màu sơn đen, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô 011677, tên Võ Thị Hồng Th1, ngụ ấp Xuân Hòa, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh A, xe mang biển kiểm soát 67F1 – 116.47, số máy 2QMJ00000162, số khung J013NT000162, do Công an huyện Tịnh Biên cấp ngày 20/11/2013.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave-RS màu vàng đen; biển kiểm soát 67N6 – 1771; số máy 0541886; số khung 028016, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 032137 tên Nguyễn Thanh Đ, ngụ ấp Hưng Lợi, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh A, do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh A cấp ngày 07/7/2008.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model RM1172 số IMEI1 356900071154927 (của Lê Minh Tr);

+ 01 (một) điện thoại di động Nokia, màu đỏ đen Model 107 số IMEI1 359210/05/946232/7 (của Lê Minh H1).

+ Số tiền 5.000.000 đồng trong số tiền đang bị tạm giữ 6.030.000 đồng (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/8/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D).

- Giao trả bị cáo Lê Minh Tr 01 (một) thẻ ATM KIENLONG BANK mang tên Lê Minh Tr số 9704521201239089.

- Giao trả cho bị cáo Lê Thị Kim H 01 (một) điện thoại Sam Sung màu hồng Model GTC3520, số IMEI 1 355598/05/284309/5.

- Giao trả bị cáo Lê Minh H1 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số Z031609, của Lê Minh H1, sinh 1987, ngụ khóm Châu Thới 1, phường Châu Phú B, thành phố D, tỉnh A do Sở Giao thông vận tải tỉnh A cấp ngày 16/3/2006.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/4/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an D với Chi cục Thi hành án dân sự D).

- Giao trả cho bị cáo Lê Minh H1 số tiền 1.030.000 (một triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng trong số tiền đang bị tạm giữ 6.030.000 đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/8/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an D với Chi cục Thi hành án dân sự D).

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

- Buộc bị cáo Lê Minh Tr giao nộp số tiền 86.000.000 (tám mươi sáu triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Minh H1 giao nộp số tiền 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 98, Điều 99, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lê Minh Tr, Lê Thị Kim H, Lê Minh H1 mỗi bị cáo pH1 chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí, số tiền do phạm tội mà có phải nộp vào công quỹ Nhà nước) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bà T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh A xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Tr1, bà Thu, ông Th1, ông Đ1 được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Chân